Ký bởi: TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Cơ quan: SỞ Y TẾ, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
Thời gian ký: 11.03.2026 8:42:49 +07:00

SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG **TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:492 /TB-KSBT	*Hải Phòng, ngày* 11 *tháng* 3 *năm 2026.*

THÔNG BÁO

Kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu Mua sắm vắc xin tiêm chủng dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng năm 2026 (Đợt 1) thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán mua sắm: Mua sắm vắc xin tiêm chủng dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng năm 2026 (Đợt 1)

Kính gửi:

- Công Ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội;
- Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2;
- Công ty TNHH Sống thiền Hành thiện;
- Công ty TNHH AMV PHARMACEUTICAL;
- Công ty TNHH Dược phẩm GIGAMED;
- Công ty Cổ phần Y TẾ THORMAN.

Căn cứ Quyết định số 471/QĐ-KSBT ngày 06/3/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của của gói thầu Mua sắm vắc xin tiêm chủng dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng năm 2026 (Đợt 1) thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán mua sắm: Mua sắm vắc xin tiêm chủng dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng năm 2026 (Đợt 1).

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng thông báo đến các nhà thầu các nội dung như sau:

I.Thông tin về gói thầu

1. Số E-TBMT: IB2600066406

2.Tên gói thầu: Mua sắm vắc xin tiêm chủng dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng năm 2026 (Đợt 1).

3. Giá trúng thầu: **1.995.196.538 đồng** *(Bằng chữ: Một tỷ chín trăm chín mươi lăm triệu một trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi tám đồng./).*

Tổng giá trị dự toán trên đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển hàng hóa đến kho của Trung tâm.

4.Chủ đầu tư: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng;

5.Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào giá trực tuyến rút gọn;

6.Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định;

7.Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

8. Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

9. Địa điểm giao hàng: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng

Cơ sở 1: Số 84 Nguyễn Tất Tố, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng

Cơ sở 2: Số 18 Đường Thanh Niên, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng

II.Thông tin về nhà thầu trúng thầu

1.Công ty Cổ phần Dược phẩm thiết bị y tế Hà Nội

Mã số thuế : 0100109699

Tổng giá dự thầu : **31.626.150 đồng**

Giá trúng thầu : **31.626.150 đồng**

Giá trên đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí vận chuyển về kho của Trung tâm.

2. Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2

Mã số thuế : 0103053042

Tổng giá dự thầu : **79.867.700 đồng**

Giá trúng thầu : **79.867.700 đồng**

Giá trên đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí vận chuyển về kho của Trung tâm.

3. Công ty TNHH Sống thiền Hành thiện

Mã số thuế : 0109094849

Tổng giá dự thầu : **147.075.750 đồng**

Giá trúng thầu : **147.075.750 đồng**

Giá trên đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí vận chuyển về kho của Trung tâm.

4. Công ty TNHH AMV PHARMACEUTICAL

Mã số thuế : 0105993690

Tổng giá dự thầu : **61.110.000 đồng**

Giá trúng thầu : **61.110.000 đồng**

Giá trên đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí vận chuyển về kho của Trung tâm.

5. Công ty TNHH Dược phẩm GIGAMED

Mã số thuế : 0316417470

Tổng giá dự thầu : **1.182.114.850 đồng**

Giá trúng thầu : **1.182.114.850 đồng**

Giá trên đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí vận chuyển về kho của Trung tâm.

6. CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ THORMAN

Mã số thuế : 0110053621

Tổng giá dự thầu : **493.402.088 đồng**

Giá trúng thầu : **493.402.088 đồng**

Giá trên đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí vận chuyển về kho của Trung tâm.

III.Danh mục chi tiết hàng hóa trúng thầu

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm Thông báo này)

IV.Danh sách nhà thầu không lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.

Không có

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng trân trọng thông báo

Tài liệu đính kèm: Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
-Như trên;
-Các phòng: TCKT; DVTYT
-Các khoa: PCBTN; TTGDSK (đăng tải website CDC);
-HĐTĐT;
-Lưu: VT, HĐMSVX.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Đồng Trung Kiên

Phụ lục:
DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU
(Kèm theo Thông báo số 492 /TB-KSBT ngày 11 /03/2026.)

STT	Tên phần lô	Tên vắc xin	Tên thành phần	Nồng độ- hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng	GĐK LH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng cơ sở 1	Số lượng cơ sở 2	Số lượng	Đơn giá có VAT	Thành tiền có VAT
1	VX01	Avaxim 80U Pediatric	Mỗi liều 0,5ml chứa Virus viêm gan A, (chủng GBM) bất hoạt 80U	Mỗi liều 0,5ml chứa Virus viêm gan A, (chủng GBM) bất hoạt 80U	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều 0,5ml	1	36 tháng	300310 250723	Sanofi Pasteur	Pháp	Bơm tiêm	0	50	50	458.144	22.907.200
2	VX02	Gardasil 9	Mỗi liều 0,5mL chứa 30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	0,5ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn 0,5 mL vắc xin và 2 kim tiêm	1	36 tháng	001310 178700	CSSX và CSĐG cấp 1: Merck Sharp & Dohme LLC (CSĐG cấp 2 và xuất xưởng: Merck	Hoa Kỳ (CSĐG cấp 2 và xuất xưởng: Hà Lan)	Bơm tiêm	200	210	410	2.726.850	1.118.008.500

											Sharp & Dohme B.V.)							
3	VX03	Varivax	Oka/Merck varicella virus, live, attenuated >= 1350 PFU/lọ	>=1350 PFU/lọ	Tiêm	Bột đông khô kèm lọ dung môi	Hộp 1 lọ bột đơn liều kèm 1 lọ dung môi	1	24 tháng	001310 037823	CSSX và CSĐG sơ cấp: Merck Sharp & Dohme LLC (CSĐG thứ cấp và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme B.V; CSSX dung môi: Jubilant Hollister Stier LLC)	Mỹ (CSĐG thứ cấp và xuất xưởng: Hà Lan; CSSX Dung môi: Mỹ)	Lọ	20	50	70	915.805	64.106.350

4	VX04	Prevenar 20 0.5Ml 1'S	Mỗi liều đơn 0,5 ml: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4 mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 8 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg;	Mỗi liều đơn 0,5 ml: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn và 1 kim tiêm; Hộp 10 bơm tiêm đóng sẵn và 10 kim tiêm. (Bơm tiêm đóng sẵn 1 liều đơn 0,5ml)	**1**	24 tháng	539310 047525	Cơ sở sản xuất và đóng gói cấp 1: Pfizer Ireland Pharmaceuticals; Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng lô: Pfizer Manufacturing Belgium NV	Cơ sở sản xuất và đóng gói cấp 1: Ai Len, Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Bỉ	Hộp	0	50	50	1.400.490	70.024.500

			Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 10A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 11A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 12F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 15B polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid	khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4 mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 8 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 10A polysaccharid phế cầu														

			phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 22F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 33F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; (20 cộng hợp phế cầu khuẩn - saccharid cộng hợp với CRM197)	khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 11A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 12F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 15B polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp														

				18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 22F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid														

				phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 33F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; (20 cộng hợp phế cầu khuẩn - saccharid cộng hợp với CRM197)														
5	VX05	Shingrix	Mỗi liều 0,5ml sau hoàn nguyên chứa 50mcg kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút Varicella Zoster (VZV) được bổ trợ với AS01B	Mỗi liều 0,5ml sau hoàn nguyên chứa 50mcg kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút Varicella Zoster (VZV) được bổ trợ với AS01B	Tiêm bắp	Bột và hỗn dịch pha hỗn dịch tiêm	Hộp 1 lọ bột đông khô chứa 50mcg kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút	5	36 tháng	540310 303224	CSSX kháng nguyên gE, SX và đóng gói cấp 1 chất bổ trợ AS01B: GlaxoSmithKline Biologica	CSSX kháng nguyên gE, SX và đóng gói cấp 1 chất bổ trợ AS01B: Bỉ; CS đóng gói cấp 1	Hộp	0	20	20	3.395.385	67.907.700

							Varicella Zoster và 1 lọ chứa 0,5ml hỗn dịch chất bổ trợ AS01B				ls SA; CS đóng gói cấp 1 kháng nguyên gE: GlaxoSmithKline Biologicals; CS đóng gói cấp 2: GlaxoSmithKline Vaccines S.r.l; CSXX: GlaxoSmithKline Biologicals SA	kháng nguyên gE: Pháp; CS đóng gói cấp 2: Ý; CSXX: Bỉ						
6	VX06	Influvac Tetra	Mỗi 0,5 ml vắc xin (kháng nguyên bề mặt, bất hoạt) chứa: A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09-	Mỗi 0,5 ml vắc xin (kháng nguyên bề mặt, bất hoạt)	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp có 1 xy lanh chứa 0,5ml	Nhóm 1	12 tháng	870310304024 (VX3-1228-21)	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	Hộp	200	300	500	263.472	131.736.000

			like strain (A/Victoria/4897/2022, IVR-238), A/Croatia/10136RV/2023 (H3N2)-like strain (A/Croatia/10136RV/2023, X-425A), B/Austria/1359417/2021-like strain (B/Austria/1359417/2021, BVR-26), B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type)	chứa: A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09-like strain (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15 mcg haemagglutinin, A/Croatia/10136RV/2023 (H3N2)-like strain (A/Croatia/10136RV/2023, X-425A) 15mcg haemagglutinin, B/Austria/1359417/2021-like strain (B/Austria/1359417/2021,			hỗn dịch											

				BVR-26) 15 mcg haemagglutinin, B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type) 15 mcg haemagglutinin														
7	VX07	Bexsero	Mỗi liều (0,5 ml) có chứa: - Protein tổng hợp (fusion protein) NHBA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein NadA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein tổng hợp fHbp Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg.	Mỗi liều (0,5 ml) có chứa: - Protein tổng hợp (fusion protein) NHBA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein NadA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp chứa 01 bơm tiêm đóng sẵn 01 liều và 02 kim tiêm	1	36 tháng	800310090123	GlaxoSmithKline Vaccines S.r.l	Ý	Hộp	0	50	50	1.529.926	76.496.300

			- Túi màng ngoài từ Neisseria meningitidis nhóm B chủng NZ98/254 được đo bằng tổng lượng protein có chứa PorA P1.4: 25mcg	hợp: 50mcg. - Protein tổng hợp fHbp Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Túi màng ngoài từ Neisseria meningitidis nhóm B chủng NZ98/254 được đo bằng tổng lượng protein có chứa PorA P1.4: 25mcg														
8	VX08	Typhim Vi	Bơm tiêm nạp sẵn 1 liều vắc-xin (0,5 ml) chứa: Tinh chế từ vỏ Vi polysaccharid của vi khuẩn thương hàn Salmonella	Bơm tiêm nạp sẵn 1 liều vắc-xin (0,5 ml) chứa: Tinh chế từ vỏ Vi polysaccharid	Tiêm bắp hay tiêm dưới da	Dung dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều vắc xin 0,5 ml	Nhóm 1	36 tháng	300310 647324	Cơ sở sản xuất: Sanofi Winthrop Industrie; Cơ sở đóng ống	Pháp	Bơm tiêm	0	50	50	174.379	8.718.950

			typhi (chủng Ty2) 25mcg	của vi khuẩn thương hàn Salmonella typhi (chủng Ty2) 25mcg							bán thành phẩm cuối và kiểm tra test vô trùng thành phẩm đóng ống: Sanofi Winthrop Industrie						
9	VX09	Vaxneuvance 0.5ml 1'S	Mỗi liều (0,5ml) chứa 2 mcg polysaccharid phế cầu của các týp huyết thanh 1, 3, 4, 5, 6A, 7F, 9V, 14, 18C, 19A, 19F, 22F, 23F, 33F và 4 mcg týp huyết thanh 6B, cộng hợp với protein vận chuyển CRM197, và được hấp phụ trên chất bổ	Mỗi liều (0,5ml) chứa 2 mcg polysaccharid phế cầu của các týp huyết thanh 1, 3, 4, 5, 6A, 7F, 9V, 14, 18C, 19A, 19F, 22F, 23F, 33F và 4 mcg týp huyết thanh	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đơn liều đóng sẵn 0,5ml vắc xin kèm 2 kim tiêm	1	36 tháng	539310049125	Cơ sở sản xuất: MSD International GmbH T/A MSD Ireland (Carlow); Cơ sở đóng gói thứ cấp	CSSX: Ireland; CSĐG thứ cấp & XX: Hà Lan	Hộp	0	200	200	1.398.600	279.720.000

			trợ muối nhôm phosphat	6B, cộng hợp với protein vận chuyển CRM197, và được hấp phụ trên chất bổ trợ muối nhôm phosphat			riêng biệt				và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme B.V.						
10	VX10	Pneumovax 23	Mỗi liều vắc-xin (0,5 ml) chứa 25mcg mỗi loại trong số 23 loại huyết thanh polysaccharide của phế cầu khuẩn Đan Mạch: 1, 2, 3, 4, 5, 6B, 7F, 8, 9N, 9V, 10A, 11A,12F, 14, 15B, 17F, 18C, 19A, 19F,20, 22F, 23F, 33F	0,5ml	Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da	Dung dịch tiêm	Hộp chứa 1 bơm tiêm đóng sẵn 0,5ml kèm 2 kim tiêm riêng biệt	1	28 tháng	001310303524	Cơ sở sản xuất và đóng gói cấp 1: Merck Sharp & Dohme LLC; Cơ sở đóng gói cấp 2 và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme B.V.	CSSX & Đóng gói cấp 1: Mỹ; CSĐG cấp 2 & XX: Hà Lan	Hộp	0	50	50	820.768	41.038.400

11	VX11	Twinrix Via 1ml 1's	Mỗi liều 1,0ml chứa: Hepatitis A virus antigen (HM175 strain) 720 Elisa units; r-DNA Hepatitis B Virus surface antigen (HBsAg) 20mcg	720 Elisa units; 20mcg	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 01 bơm tiêm đóng sẵn một liều vắc xin (1.0 ml) và 1 kim tiêm	1	36 tháng	400310177900 (QLVX-1078-18)	CSSX dạng bào chế & CS đóng gói sơ cấp: GlaxoSmithKline Biologicals NL der SmithKline Beecham Pharma GmbH & Co. KG. ; CS đóng gói thứ cấp: GlaxoSmithKline Biologicals S.A. ; CSXX: GlaxoSmithKline	CSSX dạng bào chế & CS đóng gói sơ cấp: Đức ; CS đóng gói thứ cấp & CS xuất xưởng: Bỉ	Hộp	20	20	40	510.922	20.436.880

											Biologicals S.A							
12	VX12	Boostrix	Một liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 2IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 20IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 8mcg; ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 8mcg và Pertactin 2,5mcg	Một liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 2IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 20IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 8mcg; ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 8mcg và Pertactin 2,5mcg	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp chứa 1 bơm tiêm đóng sẵn liều 0,5ml và 2 kim tiêm	5	36 tháng	300310036923	CSSX: GlaxoSmithKline Biologicals; CSXX: GlaxoSmithKline Biologicals SA	CSSX: Pháp ; CSXX: Bỉ	Bơm tiêm	0	20	20	598.000	11.960.000
13	VX13	Abhayrab	Virus dại bất hoạt (chủng L. Pasteur 2061/Vero được nhân giống trên tế bào Vero)	≥ 2,5 IU/0,5ml	Tiêm bắp/ Tiêm trong da	Bột đông khô pha tiêm	Hộp đựng 10 lọ vắc xin đơn liều, 10	Nhóm 5	36 tháng	QLVX-0805-14	Human Biologicals Institute (A Division	Ấn Độ	Lọ	150	150	300	189.840	56.952.000

							ống dung môi hoàn nguyên vắc xin (0,5ml/ ống) và 10 xy lanh vô trùng				of Indian Immunologicals Limited)							
14	VX14	Vắc xin uốn ván hấp phụ (TT)	Giải độc tố uốn ván tinh chế	≥ 40 IU/0,5ml	Tiêm bắp sâu	Hỗn dịch tiêm	Hộp 20 ống (0,5ml/ ống chứa 1 liều vắc xin)	4	33 tháng	QLVX -881-15	Viện Vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	Ống	50	300	350	16.245,737	5.686.008
15	VX15	Vắc xin viêm gan B tái tổ hợp Gene-Hbvax	Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B tinh khiết 20mcg/1ml	≈ 20µg/1ml	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp 10 lọ * 1ml/lọ	Nhóm 4	36 tháng	893310 036523 (QLV X-1044-17)	Công ty TNHH MTV Vắc xin và Sinh phẩm số 1	Việt Nam	Lọ	50	0	50	80.640	4.032.000

16	VX16	Vắc xin Tả uống - mORCVAX	V.cholerae O1, El Tor, Phil.6973 (bất hoạt bằng formaldehyde) 600E.U. LPS; V.cholerae O139, 4260B (bất hoạt bằng formaldehyde) 600 E.U. LPS; V.cholerae O1, Cairo 50 (bất hoạt bằng formaldehyde) 300 E.U. LPS; V.cholerae O1, Cairo 50 (bất hoạt bằng nhiệt độ);300 E.U.LPS V.cholerae O1, Cairo 48 (bất hoạt bằng nhiệt độ) 300 E.U.LPS	Mỗi liều 1.5 ml chứa: V.cholerae O1, El Tor, Phil.6973 (bất hoạt bằng formaldehyde) 600E.U. LPS; V.cholerae O139, 4260B (bất hoạt bằng formaldehyde) 600 E.U. LPS; V.cholerae O1, Cairo 50 (bất hoạt bằng formaldehyde) 300 E.U. LPS; V.cholerae O1, Cairo 50 (bất hoạt bằng nhiệt độ); V.cholerae	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 10 lọ* 1,5 ml	Nhóm 4	24 tháng	893310441425 (QLVX-825-14)	Công ty TNHH MTV Vắc xin và Sinh phẩm số 1	Việt Nam	Lọ	0	150	150	75.385	11.307.750

				O1, Cairo 48 (bất hoạt bằng nhiệt độ) 300 E.U.LPS														
17	VX17	IVACTUBER Vắc xin phòng lao (BCG)	BCG sống, đông khô	Mỗi ống (10 liều) chứa BCG sống, đông khô 0,5mg	Tiêm trong da	Bột đông khô	Hộp chứa 20 ống x 10 liều (0,5mg) kèm 1 hộp 20 ống nước muối sinh lý (natri clorid 0,9%) x 1ml	Nhóm 4	30 tháng	893310251023 (QLVX-996-17)	Viện vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	Ống	0	50	50	83.160	4.158.000
Tổng cộng **Bằng chữ: Một tỷ chín trăm chín mươi lăm triệu một trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi tám đồng./.** **Tổng giá trị đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển hàng hóa đến kho của Trung tâm.**																		**1.995.196.538**